

**CÔNG TY: Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang** báo tài chính  
**Địa chỉ: 81 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội** tài chính 2010  
**Tel: 04.35121610 Fax: 04.35121611**

Mẫu số B 01-DN

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Quyết mi	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6,819,426,441</b>	<b>11,545,517,758</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1,985,134,383</b>	<b>3,376,696,999</b>
1. Tiền	111		85,134,383	2,376,696,999
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,900,000,000	1,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>4,012,000,000</b>	<b>7,187,018,948</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5,021,979,518	7,367,018,948
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,009,979,518)	(180,000,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>747,936,220</b>	<b>493,461,355</b>
1. Phải thu khách hàng	131		741,929,977	454,221,355
2. Trả trước cho người bán	132		6,006,243	39,240,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		-	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>192,603,057</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.3	-	192,603,057
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74,355,838</b>	<b>295,737,399</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	-	62,344,999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		13,355,838	16,984,297
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	61,000,000	216,408,103
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8,024,140,981</b>	<b>185,242,868</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>373,420,981</b>	<b>185,242,868</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>5.6</b>	<b>373,420,981</b>	<b>185,242,868</b>
- Nguyên giá	222		832,511,426	357,032,610
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459,090,445)	(171,789,742)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>7,650,720,000</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241		7,650,720,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>14,843,567,422</b>	<b>11,730,760,626</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,549,669,997</b>	<b>515,929,618</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,549,669,997</b>	<b>515,929,618</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8	500,000,000	-
2. Phải trả người bán	312		391,274,304	148,500,400
3. Người mua trả tiền trước	313		57,555,000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	97,816,699	39,602,292
5. Phải trả người lao động	315		139,943,475	198,599,981
6. Chi phí phải trả	316		18,333,333	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	64,802,459	24,083,146
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		279,944,727	105,143,799
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.11</b>	<b>13,293,897,425</b>	<b>11,214,831,008</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>13,293,897,425</b>	<b>11,214,831,008</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10,800,000,000	10,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		208,687,955	86,389,930
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		242,692,655	120,394,630
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2,042,516,815	208,046,448
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>14,843,567,422</b>	<b>11,730,760,626</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-

3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

CÔNG TY: Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang

Địa chỉ: 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 04.35121610 Fax: 04.35121611

Báo cáo tài chính

Năm tài chính 2010

Mẫu số: B 02-DN

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7,584,662,847	4,976,314,756
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>5.12</b>	<b>7,584,662,847</b>	<b>4,976,314,756</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	5.13	4,729,946,335	3,338,510,004
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2,854,716,512</b>	<b>1,637,804,752</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.14	2,721,988,153	255,353,264
7. Chi phí tài chính	22	5.15	1,161,136,083	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		269,166,665	-
8. Chi phí bán hàng	24		93,616,334	60,553,164
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,443,390,482	938,953,127
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>2,878,561,766</b>	<b>893,651,725</b>
11. Thu nhập khác	31		1,129,090	17,662,714
12. Chi phí khác	32		8,438,307	17,662,714
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(7,309,217)</b>	<b>-</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40+45)</b>	<b>50</b>		<b>2,871,252,549</b>	<b>893,651,725</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	425,292,057	29,752,425
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>2,445,960,492</b>	<b>863,899,300</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70	5.17	2,265	2,365

**CÔNG TY:** Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang  
**Địa chỉ:** 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
**Tel:** 04.35121610 **Fax:** 04.35121611

**Báo cáo tài chính**  
**năm tài chính 2010**

**Mẫu số B 03-DN**

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Mã chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7,736,223,040	4,672,277,131
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2,947,310,523)	(2,573,701,216)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,536,739,237)	(1,407,020,156)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(250,833,332)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(421,663,598)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		520,066,103	431,898,346
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(836,726,883)	(586,567,456)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1,263,015,570</b>	<b>536,886,649</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8,161,059,959)	(229,031,173)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1,129,090	17,662,714
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,000,000,000)	(1,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,000,000,000	2,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,901,674,900)	(7,840,318,721)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6,478,380,000	1,695,947,297
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		428,647,583	291,799,589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3,154,578,186)</b>	<b>(5,063,940,294)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	7,430,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		-	(230,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4,000,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,500,000,000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(90,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>500,000,000</b>	<b>7,110,000,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1,391,562,616)</b>	<b>2,582,946,355</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,376,696,999	793,750,644
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1,985,134,383</b>	<b>3,376,696,999</b>

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102459018, đăng ký lần đầu ngày 07/11/2007, thay đổi lần thứ tư ngày 30/07/2010, vốn điều lệ là 10.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập của Công ty gồm:

<b>Tên cổ đông</b>	<b>Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú</b>
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	81 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Nguyễn Thanh Tùng	B15 Ngõ 191/46, Lạc Long Quân - Xuân La - Tây Hồ - Hà Nội
Lê Thành Anh	P910 OCT2 - ĐN2 Bắc Linh Đàm - Đại Kim - Hoàng Mai - Hà Nội

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Sản xuất phần mềm quản lý trong các lĩnh vực: kế toán, quản lý sản xuất, quản lý nhân sự, phát hành, kho tàng, quản lý xuất bản, siêu thị;
- Xây dựng hệ thống website về thông tin, quảng cáo, bán hàng trên mạng và các dịch vụ trên internet;
- Buôn bán máy tính, dịch vụ bảo trì hệ thống, đại lý cung cấp phần mềm;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề điện tử, tin học, ngoại ngữ (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép);
- Quản trị doanh nghiệp và chuyển giao công nghệ điện tử, tin học, dịch vụ thương mại;
- Phát triển kinh doanh, đầu tư dự án;
- Tổ chức hội trợ triển lãm, hội nghị, hội thảo;
- Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm);
- Buôn bán bán thảo;
- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm ngành giáo dục;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (theo quy định của pháp luật hiện hành);
- Kinh doanh đồ dùng thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng;
- Tổ chức hoạt động sáng tác, phóng tác, chuyên thể, nghiên cứu, dịch thuật sách giáo dục;
- Kinh doanh siêu thị.
- Kinh doanh bất động sản.

Trong năm, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: bán máy tính, thiết bị văn phòng, phần mềm, cung cấp dịch vụ bảo trì hệ thống và truyền số liệu.

## **2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan..

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Áp dụng Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán so với năm trước, cụ thể:

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Công ty áp dụng khấu hao nhanh gấp hai lần so với thời gian sử dụng tối thiểu, cụ thể:

	<u>Năm 2010</u> <b>(năm)</b>	<u>Năm 2009</u> <b>(năm)</b>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5	1,5

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Các khoản trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty căn cứ theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo quy định hiện hành, khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất sản phẩm phần mềm của Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% trong vòng 9 năm kế tiếp và được hưởng thuế suất 10% trong vòng 15 năm đầu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty, các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	7.399.515	26.119.774
Tiền gửi ngân hàng	77.734.868	2.350.577.225
Các khoản tương đương tiền (*)	1.900.000.000	1.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.985.134.383</b>	<b>3.376.696.999</b>

(\*): Khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

**5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>		<b>01/01/2010</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	330.000	5.021.979.518	135.000	2.367.018.948
<i>Cty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây - HEET</i>	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
<i>Cty CP Nhiệt điện Ninh Bình - NBP</i>	5.000	181.979.518	5.000	181.979.518
<i>Cty CP Sách và Thiết bị trường học TP.HCM - STC</i>	-	-	5.000	185.039.430
<i>Cty CP Đầu tư và Phát triển GD Phương Nam - SED (1)</i>	200.000	2.840.000.000	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		-		5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng				5.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1.009.979.518)		(180.000.000)

(1): Trong đó, khoản đầu tư 200.000 Cổ phiếu mã SED với giá mua 2.840.000.000 đồng được thực hiện Thông qua Hợp đồng ủy thác mua bán chứng khoán với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thiên Hóa số 02/UTMBCK-VLA2010 ngày 01/10/2010 và Phụ lục Hợp đồng số 002/UTMBCK-VLA/2010 ngày 05/10/2010. Tổng số tiền ủy thác là 2.840.000.000 đồng để mua chứng khoán mã SED. Thời gian thực hiện hợp đồng 12 tháng kể từ ngày ký. Phí môi giới là 0,5% trên tổng giá trị giao dịch mua bán chứng khoán thành công (không bao gồm thuế và các khoản phí chuyển nhượng theo quy định của tổ chức phát hành).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.3 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	192.603.057
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>192.603.057</b>

**5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	-	62.344.999
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>62.344.999</b>

**5.5 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	61.000.000	210.800.000
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	-	5.608.103
<b>Tổng</b>	<b>61.000.000</b>	<b>216.408.103</b>

**5.6 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>357.032.610</b>	<b>357.032.610</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>510.339.959</b>	<b>510.339.959</b>
Mua trong năm	510.339.959	510.339.959
<b>Giảm trong năm</b>	<b>34.861.143</b>	<b>34.861.143</b>
Thanh lý, nhượng bán	34.861.143	34.861.143
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>832.511.426</b>	<b>832.511.426</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>171.789.742</b>	<b>171.789.742</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>313.723.539</b>	<b>313.723.539</b>
Khấu hao trong năm	313.723.539	313.723.539
<b>Giảm trong năm</b>	<b>26.422.836</b>	<b>26.422.836</b>
Thanh lý, nhượng bán	26.422.836	26.422.836
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>459.090.445</b>	<b>459.090.445</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>185.242.868</b>	<b>185.242.868</b>
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>373.420.981</b>	<b>373.420.981</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất tại dự án Mễ Trì Hạ, Từ Liêm, Hà Nội. Tài sản được đầu tư theo Nghị quyết số 06/2010 ngày 12/4/2010 của Hội đồng Quản trị Công ty với mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

**5.8 Vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thiên Hóa	500.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

Hợp đồng vay vốn số 10-2010TC/2010/HĐVV-TH/VLA ngày 05/10/2010, thời gian vay 06 tháng kể từ ngày 05/10/2010 đến ngày 04/05/2011, mục đích vay vốn: phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất 15%/năm, thanh toán vào ngày 05 hàng tháng tiền lãi suất tháng trước.

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	58.435.601	39.602.292
Thuế thu nhập cá nhân	39.381.098	-
<b>Tổng</b>	<b>97.816.699</b>	<b>39.602.292</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	33.676.236	4.531.020
Bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm thất nghiệp	6.486.787	14.950
Phải trả khác	24.639.436	19.537.176
<b>Tổng</b>	<b>64.802.459</b>	<b>24.083.146</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.11 Vốn chủ sở hữu****a. Biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Tại 01/01/2009</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-	<b>31.650.000</b>	<b>346.376.003</b>	<b>3.378.026.003</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>7.800.000.000</b>	<b>230.000.000</b>	<b>86.389.930</b>	<b>88.744.630</b>	<b>863.899.300</b>	<b>9.069.033.860</b>
Vốn góp bằng tiền	7.200.000.000	-	-	-	-	7.200.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	600.000.000	-	-	-	-	600.000.000
Mua lại cổ phiếu	-	230.000.000	-	-	-	230.000.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	863.899.300	863.899.300
Phân phối quỹ	-	-	86.389.930	88.744.630	-	175.134.560
<b>Giảm trong năm</b>	-	<b>230.000.000</b>	-	-	<b>1.002.228.855</b>	<b>1.232.228.855</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	600.000.000	600.000.000
Chia cổ tức 2008	-	-	-	-	90.000.000	90.000.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	230.000.000	-	-	-	230.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	312.228.855	312.228.855
<b>Tại 31/12/2009</b>	<b>10.800.000.000</b>	-	<b>86.389.930</b>	<b>120.394.630</b>	<b>208.046.448</b>	<b>11.214.831.008</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>10.800.000.000</b>	-	<b>86.389.930</b>	<b>120.394.630</b>	<b>208.046.448</b>	<b>11.214.831.008</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	<b>122.298.025</b>	<b>122.298.025</b>	<b>2.445.960.492</b>	<b>2.690.556.542</b>
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	2.445.960.492	2.445.960.492
Phân phối các quỹ	-	-	122.298.025	122.298.025	-	244.596.050
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	-	<b>611.490.125</b>	<b>611.490.125</b>
Tạm trích quỹ	-	-	-	-	611.490.125	611.490.125
<b>Tại 31/12/2010</b>	<b>10.800.000.000</b>	-	<b>208.687.955</b>	<b>242.692.655</b>	<b>2.042.516.815</b>	<b>13.293.897.425</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.11 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.080.000.000	1.080.000.000
- Lê Thành Anh	120.000.000	120.000.000
- Nguyễn Thanh Tùng	120.000.000	120.000.000
- Công ty CP Đầu tư tài chính Thiên Hóa	2.064.000.000	2.064.000.000
- Cổ đông khác	7.416.000.000	7.416.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày đầu năm	10.800.000.000	3.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	7.800.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	10.800.000.000	10.800.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>611.490.125</b>	<b>1.002.228.855</b>
Chia cổ tức	-	690.000.000
- Bằng tiền	-	90.000.000
- Bằng cổ phiếu	-	600.000.000
Phân phối lợi nhuận vào các quỹ (*)	611.490.125	312.228.855
- Quỹ dự phòng tài chính	122.298.025	88.744.630
- Quỹ khen thưởng ban điều hành	122.298.025	45.694.965
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	244.596.050	91.399.330
- Quỹ đầu tư phát triển	122.298.025	86.389.930

(\*) : Phân phối theo nghị quyết của đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ.

**d. Cổ phiếu**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<b>Năm 2010</b> (Cổ phiếu)	<b>Năm 2009</b> Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.080.000	1.080.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu phổ thông	1.080.000	1.080.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng hóa	2.199.261.760	1.154.197.757
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.385.401.087	3.822.116.999
<i>Trong đó: Sản xuất phần mềm và dịch vụ liên quan</i>	<i>3.766.454.000</i>	<i>1.911.600.000</i>
<b>Tổng</b>	<b><u>7.584.662.847</u></b>	<b><u>4.976.314.756</u></b>

**5.13 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	1.765.432.679	1.043.682.965
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.964.513.656	2.294.827.039
<i>Trong đó: Sản xuất phần mềm và dịch vụ liên quan</i>	<i>2.009.862.899</i>	<i>831.272.970</i>
<b>Tổng</b>	<b><u>4.729.946.335</u></b>	<b><u>3.338.510.004</u></b>

**5.14 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	298.383.694	205.551.783
Lãi đầu tư cổ phiếu	2.293.340.570	45.801.481
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.263.889	4.000.000
<b>Tổng</b>	<b><u>2.721.988.153</u></b>	<b><u>255.353.264</u></b>

**5.15 Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí mua, bán cổ phiếu	61.989.900	
Trích lập quỹ dự phòng đầu tư ngắn hạn	829.979.518	
Chi phí lãi vay	269.166.665	-
<b>Tổng</b>	<b><u>1.161.136.083</u></b>	<b><u>-</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.871.252.549	893.651.725
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập tính thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập tính thuế	1.170.084.322	723.637.868
<i>Cổ tức, lãi được chia từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>130.263.889</i>	<i>4.000.000</i>
<i>Thu nhập được miễn thuế từ hoạt động sản xuất phần mềm</i>	<i>1.039.820.433</i>	<i>719.637.868</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.701.168.227	170.013.857
Thuế suất	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>425.292.057</u></b>	<b><u>29.752.425</u></b>

**5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.445.960.492	863.899.300
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.445.960.492	863.899.300
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành BQ trong năm	1.080.000	365.227
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b><u>2.265</u></b>	<b><u>2.365</u></b>

**5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.019.000
Chi phí nhân công	2.724.225.898	1.655.074.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.213.936	113.865.833
Chi phí mua ngoài	827.125.853	1.360.418.610
Chi phí khác bằng tiền	635.954.785	157.954.957
<b>Tổng</b>	<b><u>4.501.520.472</u></b>	<b><u>3.294.333.330</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Giao dịch với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2010</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2009</u> <u>VND</u>
<b><i>Giao dịch bán hàng</i></b>			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	130.000.000	84.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Có vốn góp của NXB Giáo dục	4.621.193.890	3.567.199.376
Cty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục HN	Có vốn góp của NXB Giáo dục	280.131.545	193.471.681
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	805.540.687	688.609.300
Công ty CP Sách TBTH Hà Tây	Có vốn góp của NXB Giáo dục	198.090.916	50.019.047
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục HN	Có vốn góp của NXB Giáo dục	327.686.360	289.951.907
<b><i>Giao dịch mua hàng hóa dịch vụ, lãi vay</i></b>			
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hoá	Có vốn góp của NXB Giáo dục	330.841.565	-
Công ty Cổ phần in Diên Hồng	Có vốn góp của NXB Giáo dục	15.000.000	-
NXB Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	46.658.873	-
<b>b. Số dư với các bên liên quan</b>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Nội dung</b>	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
<b><i>Số dư phải thu</i></b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Có vốn góp của NXB Giáo dục	415.651.970	355.377.355
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	42.018.000	
Cty CP Đầu tư Tài chính Thiên Hoá	Có vốn góp của NXB Giáo dục	3.240.000	5.000.000.000
<b><i>Số dư phải trả</i></b>			
NXB giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của NXB Giáo dục	51.324.761	-
NXB giáo dục tại Đà Nẵng	Có vốn góp của NXB Giáo dục	1.204.500	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VĂN LANG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

---

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan(Tiếp theo)

##### c. Giao dịch với các nhân sự và cổ đông chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Lương và thù lao	351.306.138	284.437.851

#### 6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM).

Một số khoản mục được trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2010 theo thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.

---

**Vũ Trung Chính**  
**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011*

---

**Hoàng Thị Xuân Hòa**  
**Kế toán trưởng**